

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN**  
*(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

| TT | TÊN CHỨNG TỪ                                                  | SỐ HIỆU    |
|----|---------------------------------------------------------------|------------|
|    | <b>I. Lao động tiền lương</b>                                 |            |
| 1  | Bảng thanh toán tiền lương                                    | 01 - LĐTTL |
| 2  | Bảng thanh toán tiền thưởng                                   | 02 - LĐTTL |
| 3  | Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ                             | 03 - LĐTTL |
| 4  | Bảng thanh toán tiền thuê ngoài                               | 04 - LĐTTL |
| 5  | Hợp đồng giao khoán                                           | 05 - LĐTTL |
| 6  | Biên bản thanh lý (nghiem thu) hợp đồng giao khoán            | 06 - LĐTTL |
| 7  | Bảng kê trích nộp các khoản theo lương                        | 07 - LĐTTL |
| 8  | Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương         | 08 - LĐTTL |
|    | <b>II. Hàng tồn kho</b>                                       |            |
| 1  | Phiếu nhập kho                                                | 01 - VT    |
| 2  | Phiếu xuất kho                                                | 02 - VT    |
| 3  | Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá      | 03 - VT    |
| 4  | Bảng kê chi tiết vật tư còn lại cuối kỳ                       | 04 - VT    |
| 5  | Biên bản tổng hợp kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá | 05 - VT    |
| 6  | Bảng kê mua hàng                                              | 06 - VT    |
| 7  | Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ          | 07 - VT    |
|    | <b>III. Bán hàng</b>                                          |            |
| 1  | Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi                           | 01 - BH    |
| 2  | Thẻ quầy hàng                                                 | 02 - BH    |
|    | <b>IV. Tiền tệ</b>                                            |            |
| 1  | Phiếu thu                                                     | 01 - TT    |
| 2  | Phiếu chi                                                     | 02 - TT    |
| 3  | Giấy đề nghị tạm ứng                                          | 03 - TT    |

# PHỤ LỤC – BIỂU MẪU THÔNG TƯ 99/2025/TT-BTC

**Nguồn: MR. WICK KIỂM TOÁN**

# Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27-10-2025 Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

*Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán; Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.*

**Hiệu lực:** Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-1-2026, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1-1-2026 (xem Điều 31). Thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

# Phụ lục I. Danh mục & biểu mẫu chứng từ kế toán

DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU CHỨNG TỪ KẾ TOÁN  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

| TT | TÊN CHỨNG TỪ                                                  | SỐ HIỆU   |
|----|---------------------------------------------------------------|-----------|
|    | <b>I. Lao động tiền lương</b>                                 |           |
| 1  | Bảng thanh toán tiền lương                                    | 01 - LĐTL |
| 2  | Bảng thanh toán tiền thưởng                                   | 02 - LĐTL |
| 3  | Bảng thanh toán tiền làm thêm giờ                             | 03 - LĐTL |
| 4  | Bảng thanh toán tiền thuê ngoài                               | 04 - LĐTL |
| 5  | Hợp đồng giao khoán                                           | 05 - LĐTL |
| 6  | Biên bản thanh lý (nghiệm thu) hợp đồng giao khoán            | 06 - LĐTL |
| 7  | Bảng kê trích nộp các khoản theo lương                        | 07 - LĐTL |
| 8  | Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương         | 08 - LĐTL |
|    | <b>II. Hàng tồn kho</b>                                       |           |
| 1  | Phiếu nhập kho                                                | 01 - VT   |
| 2  | Phiếu xuất kho                                                | 02 - VT   |
| 3  | Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa      | 03 - VT   |
| 4  | Bảng kê chi tiết vật tư còn lại cuối kỳ                       | 04 - VT   |
| 5  | Biên bản tổng hợp kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa | 05 - VT   |
| 6  | Bảng kê mua hàng                                              | 06 - VT   |
| 7  | Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ          | 07 - VT   |
|    | <b>III. Bán hàng</b>                                          |           |

|    |                                                                              |           |
|----|------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1  | Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi                                          | 01 - BH   |
| 2  | Thẻ quầy hàng                                                                | 02 - BH   |
|    | <b>IV. Tiền tệ</b>                                                           |           |
| 1  | Phiếu thu                                                                    | 01 - TT   |
| 2  | Phiếu chi                                                                    | 02 - TT   |
| 3  | Giấy đề nghị tạm ứng                                                         | 03 - TT   |
| 4  | Giấy thanh toán tiền tạm ứng                                                 | 04 - TT   |
| 5  | Giấy đề nghị thanh toán                                                      | 05 - TT   |
| 6  | Biên lai thu tiền                                                            | 06 - TT   |
| 7  | Bảng kê vàng tiền tệ                                                         | 07 - TT   |
| 8  | Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VND)                                              | 08a - TT  |
| 9  | Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng tiền tệ)                           | 08b - TT  |
| 10 | Bảng kê chi tiền                                                             | 09 - TT   |
|    | <b>V. Tài sản cố định</b>                                                    |           |
| 1  | Biên bản giao nhận TSCĐ                                                      | 01 - TSCĐ |
| 2  | Biên bản thanh lý TSCĐ                                                       | 02 - TSCĐ |
| 3  | Biên bản bàn giao TSCĐ sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo hoàn thành | 03 - TSCĐ |
| 4  | Biên bản đánh giá lại TSCĐ                                                   | 04 - TSCĐ |
| 5  | Biên bản tổng hợp kiểm kê TSCĐ                                               | 05 - TSCĐ |
| 6  | Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ                                           | 06 - TSCĐ |

**Đơn vị:** .....

**Bộ phận:**.....

**Mẫu số: 01 - LĐTL**

*(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC*

*ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 01 - LĐTL  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng ..... năm .....

Số: .....

| STT | Họ và tên | Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ | Hệ số | Lương sản phẩm |         | Lương thời gian |         | Nghỉ việc ngừng việc hưởng.... % lương |         | Phụ cấp thuộc quỹ lương | Phụ cấp khác | Tổng số | Tạm ứng kỳ I | Các khoản phải khấu trừ vào lương |     |                    |      | Kỳ II được lĩnh |         |
|-----|-----------|--------------------------------------|-------|----------------|---------|-----------------|---------|----------------------------------------|---------|-------------------------|--------------|---------|--------------|-----------------------------------|-----|--------------------|------|-----------------|---------|
|     |           |                                      |       | Số SP          | Số tiền | Số công         | Số tiền | Số công                                | Số tiền |                         |              |         |              | BH XH                             | ... | Thuế TNCN phải nộp | Cộng | Số tiền         | Ký nhận |
| A   | B         | 1                                    | 2     | 3              | 4       | 5               | 6       | 7                                      | 8       | 9                       | 10           | 11      | 12           | 13                                | 14  | 15                 | 16   | 17              | C       |
|     |           |                                      |       |                |         |                 |         |                                        |         |                         |              |         |              |                                   |     |                    |      |                 |         |
|     |           |                                      |       |                |         |                 |         |                                        |         |                         |              |         |              |                                   |     |                    |      |                 |         |
|     |           |                                      |       |                |         |                 |         |                                        |         |                         |              |         |              |                                   |     |                    |      |                 |         |
|     |           |                                      |       |                |         |                 |         |                                        |         |                         |              |         |              |                                   |     |                    |      |                 |         |
|     | Cộng      | x                                    | x     | x              |         | x               |         | x                                      |         |                         |              |         |              |                                   |     |                    |      |                 | X       |

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Người lập bảng  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 02 - LĐTL  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THƯỜNG

Quý .... năm .....

Số: .....

| STT  | Họ và tên | Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ | Mức thưởng      |         |         | Ghi chú |
|------|-----------|--------------------------------------|-----------------|---------|---------|---------|
|      |           |                                      | Xếp loại thưởng | Số tiền | Ký nhận |         |
| A    | B         | C                                    | 1               | 2       | D       | E       |
|      |           |                                      |                 |         |         |         |
| Cộng |           | x                                    |                 |         | x       | x       |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Người lập bảng  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 03 - LĐT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LÀM THÊM GIỜ  
Tháng .... năm ....

Số: .....

| STT  | Họ và tên | Ngạch bậc lương hoặc cấp bậc chức vụ | Hệ số lương | Hệ số phụ cấp chức vụ | Cộng hệ số | Tiền lương tháng | Mức lương |     | Làm thêm ngày làm việc |            | Làm thêm ngày thứ bảy, chủ nhật |            | Làm thêm ngày lễ, ngày tết |            | Làm thêm buổi đêm |            | Tổng cộng tiền | Số ngày nghỉ bù |            | Số tiền thực được thanh toán | Người nhận tiền ký tên |
|------|-----------|--------------------------------------|-------------|-----------------------|------------|------------------|-----------|-----|------------------------|------------|---------------------------------|------------|----------------------------|------------|-------------------|------------|----------------|-----------------|------------|------------------------------|------------------------|
|      |           |                                      |             |                       |            |                  | Ngày      | Giờ | Số giờ                 | Thành tiền | Số giờ                          | Thành tiền | Số giờ                     | Thành tiền | Số giờ            | Thành tiền |                | Số giờ          | Thành tiền |                              |                        |
| A    | B         | C                                    | 1           | 2                     | 3          | 4                | 5         | 6   | 7                      | 8          | 9                               | 10         | 11                         | 12         | 13                | 14         | 15             | 16              | 17         | 18                           | D                      |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
|      |           |                                      |             |                       |            |                  |           |     |                        |            |                                 |            |                            |            |                   |            |                |                 |            |                              |                        |
| Cộng |           |                                      | x           | x                     | x          | x                | x         | x   | x                      |            | x                               |            | x                          |            | x                 |            |                | x               |            |                              | x                      |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

Người lập bảng  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
Người duyệt  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số: 04 - LĐT**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ NGOÀI**  
(Dùng cho thuê nhân công, thuê khoán việc)

Số: .....

Họ và tên người thuê:

Bộ phận (hoặc địa chỉ):

Đã thuê những công việc sau để: ..... tại địa điểm ..... từ ngày.../.../... đến ngày.../.../....

| STT | Họ và tên người được thuê | CCCD/MST TNCN của người được thuê | Nội dung hoặc tên công việc thuê | Số công hoặc khối lượng công việc đã làm | Đơn giá thanh toán | Thành tiền | Tiền thuế khấu trừ | Số tiền còn lại được nhận | Ký nhận |
|-----|---------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------|--------------------|------------|--------------------|---------------------------|---------|
| A   | B                         | C                                 | D                                | 1                                        | 2                  | 3          | 4                  | 5 = 3-4                   | E       |
|     |                           |                                   |                                  |                                          |                    |            |                    |                           |         |
|     |                           |                                   |                                  |                                          |                    |            |                    |                           |         |
|     |                           |                                   |                                  |                                          |                    |            |                    |                           |         |
|     | <b>Cộng</b>               | x                                 | x                                | x                                        | x                  |            |                    |                           | x       |

Đề nghị..... cho thanh toán số tiền:

Số tiền (Viết bằng chữ):

(Kèm theo....chứng từ kế toán khác)

**Người đề nghị thanh toán**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
**Người duyệt**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số: 05 - LĐTL**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN**  
Số: .....

Họ và tên: ..... Chức vụ

Đại diện..... bên giao khoán

Họ và tên: ..... Chức vụ

Đại diện..... bên nhận khoán

**CÙNG KÝ KẾT HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN NHƯ  
SAU:**

**I- Điều khoản chung:**

- Phương thức giao khoán:
- Điều kiện thực hiện hợp đồng:
- Thời gian thực hiện hợp đồng:
- Các điều kiện khác:

**II- Điều khoản cụ thể:**

1. Nội dung công việc khoán:
2. Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận khoán:
3. Trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của bên giao khoán:

**Đại diện bên nhận khoán**  
(Ký, họ tên)

**Đại diện bên giao khoán**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số: 06 - LĐTL**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BIÊN BẢN THANH LÝ (NGHIỆM THU) HỢP ĐỒNG GIAO KHOÁN**

*Ngày... tháng... năm...*

Họ và tên: ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Bên giao khoán

Họ và tên: ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Bên nhận khoán

Cùng thanh lý Hợp đồng số ... ngày... tháng... năm ...

Nội dung công việc (ghi trong hợp đồng) đã được thực hiện: Giá trị hợp đồng đã thực hiện:

Bên ..... đã thanh toán cho bên ..... số tiền là..... đồng (viết bằng chữ)

Số tiền bị phạt do bên ..... vi phạm hợp đồng:..... đồng (viết bằng chữ)

Số tiền bên .... còn phải thanh toán cho bên ..... là..... đồng (viết bằng chữ)

Kết luận:

**Đại diện bên nhận khoán**  
(Ký, họ tên)

**Đại diện bên giao khoán**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số: 07 - LĐTL**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ TRÍCH NỘP CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG**

Tháng .... năm...

| STT | Số tháng trích<br>BHXH, BHYT,<br>BHTN, KPCĐ | Tổng quỹ lương<br>trích BHXH, BHYT,<br>BHTN, KPCĐ | BHXH, BHYT, BHTN |                      |                     | KPCĐ       |                                      |                                     |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------|----------------------|---------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
|     |                                             |                                                   | Tổng<br>số       | Trong đó:            |                     | Tổng<br>số | Số phải nộp<br>công đoàn<br>cấp trên | Số được<br>để lại chi<br>tại đơn vị |
|     |                                             |                                                   |                  | Trích vào<br>chi phí | Trừ<br>vào<br>lương |            |                                      |                                     |
| A   | B                                           | 1                                                 | 2                | 3                    | 4                   | 5          | 6                                    | 7                                   |
|     |                                             |                                                   |                  |                      |                     |            |                                      |                                     |
|     |                                             |                                                   |                  |                      |                     |            |                                      |                                     |
|     |                                             |                                                   |                  |                      |                     |            |                                      |                                     |

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

**Bộ phận:.....**

**Mẫu số: 08 - LĐTL**

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG**

Tháng... năm...

Số: .....

[illegible]

|    |                                  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|----|----------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| 6  | TK 242 - Chi phí chờ phân bổ     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7  | TK 335 - Chi phí phải trả        |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8  | TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9  | TK 334 - Phải trả người lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | TK 338 - Phải trả, phải nộp khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | .....                            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|    | <b>Cộng:</b>                     |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 01 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO  
Ngày.... tháng..... năm....

Số: .....  
Nợ: .....  
Có: .....

- Họ và tên người giao:  
- Theo ..... số.....ngày ..... tháng .... năm ..... của  
Nhập tại kho:.....địa điểm

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng      |           | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------|-----------|---------|------------|
|     |                                                                        |       |             | Theo chứng từ | Thực nhập |         |            |
| A   | B                                                                      | C     | D           | 1             | 2         | 3       | 4          |
|     |                                                                        |       |             |               |           |         |            |
|     |                                                                        |       |             |               |           |         |            |
|     |                                                                        |       |             |               |           |         |            |
|     | Cộng                                                                   | x     | x           | x             | x         | x       |            |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):  
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Người lập phiếu  
(Ký, họ tên)

Người giao hàng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
Kế toán trưởng  
(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

**Bộ phận:.....**

*chính)*

# PHIẾU XUẤT KHO

Ngày.... tháng..... năm .....

Số: .....

№: .....

Có: .....

- Họ và tên người nhận hàng: ..... Địa chỉ (bộ phận)

- Lý do xuất kho:

- Xuất tại kho (ngăn lô): ..... Địa điểm

| STT  | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng |           | Đơn giá | Thành tiền |
|------|-------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------|-----------|---------|------------|
|      |                                                                         |       |             | Yêu cầu  | Thực xuất |         |            |
| A    | B                                                                       | C     | D           | 1        | 2         | 3       | 4          |
|      |                                                                         |       |             |          |           |         |            |
|      |                                                                         |       |             |          |           |         |            |
|      |                                                                         |       |             |          |           |         |            |
|      |                                                                         |       |             |          |           |         |            |
|      |                                                                         |       |             |          |           |         |            |
| Công |                                                                         | x     | x           | x        | x         | x       |            |

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày... tháng... năm..

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Hoặc bộ phận có  
nhu cầu nhập)  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 03 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**  
**Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa**  
Ngày... tháng... năm....

Số: .....

- Căn cứ ..... số ..... ngày ..... tháng .... năm ..... của

Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Trưởng ban
- + Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Ủy viên
- + Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện..... Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

| Số TT | Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Phương thức kiểm nghiệm | Đơn vị tính | Số lượng theo chứng từ | Kết quả kiểm nghiệm               |                                         | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------------|-------|-------------------------|-------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|       |                                                             |       |                         |             |                        | Số lượng đúng quy cách, phẩm chất | Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất |         |
| A     | B                                                           | C     | D                       | E           | 1                      | 2                                 | 3                                       | F       |
|       |                                                             |       |                         |             |                        |                                   |                                         |         |
|       |                                                             |       |                         |             |                        |                                   |                                         |         |
|       |                                                             |       |                         |             |                        |                                   |                                         |         |
|       |                                                             |       |                         |             |                        |                                   |                                         |         |

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:

Đại diện bộ phận có nhu cầu kiểm nghiệm  
(Ký, họ tên)

Đại diện bộ phận cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 04 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHI TIẾT VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ  
Ngày... tháng... năm...

Số: .....

Bộ phận sử dụng:

| Số TT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng |                |              |
|-------|--------------------------------------------|-------|-------------|----------|----------------|--------------|
|       |                                            |       |             | Tổng     | Đề lại sử dụng | Nhập lại kho |
| A     | B                                          | C     | D           | 1        | 2              | 3            |
|       |                                            |       |             |          |                |              |
|       |                                            |       |             |          |                |              |
|       |                                            |       |             |          |                |              |
|       |                                            |       |             |          |                |              |

Phụ trách bộ phận sử dụng  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 05 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KIỂM KÊ VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Số: .....

- Thời điểm kiểm kê ..... giờ ...ngày ...tháng ...năm .....
- Ban kiểm kê/Hội đồng kiểm kê gồm:  
Ông/Bà ..... Chức vụ.....Đại diện .....Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng  
Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện .....Ủy viên  
Ông/Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên
- Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ,... | Mã số | Đơn vị tính | Đơn giá | Theo sổ kế toán |            | Theo kiểm kê |            | Chênh lệch |            |          |            | Phẩm chất     |               |               |
|-----|----------------------------------------------|-------|-------------|---------|-----------------|------------|--------------|------------|------------|------------|----------|------------|---------------|---------------|---------------|
|     |                                              |       |             |         |                 |            |              |            | Thừa       |            | Thiếu    |            | Còn tốt 100 % | Kém phẩm chất | Mất phẩm chất |
|     |                                              |       |             |         | Số lượng        | Thành tiền | Số lượng     | Thành tiền | Số lượng   | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |               |               |               |
| A   | B                                            | C     | D           | 1       | 2               | 3          | 4            | 5          | 6          | 7          | 8        | 9          | 10            | 11            | 12            |
|     |                                              |       |             |         |                 |            |              |            |            |            |          |            |               |               |               |
|     |                                              |       |             |         |                 |            |              |            |            |            |          |            |               |               |               |
|     |                                              |       |             |         |                 |            |              |            |            |            |          |            |               |               |               |
|     | Cộng                                         | x     | x           | x       | x               |            | x            |            | x          |            | x        |            | x             | x             | x             |

**Giám đốc**  
(Ý kiến giải quyết số chênh lệch)  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
**Trưởng ban/Chủ tịch Hội đồng kiểm kê**  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 06 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ MUA HÀNG**

Ngày.... tháng.... năm ....

Quyển số: .....  
Số: .....  
Nợ: .....  
Có: .....

- Họ và tên người mua:  
- Bộ phận (phòng, ban):

| STT | Tên, quy cách, phẩm chất hàng hóa (vật tư, công cụ...) | Địa chỉ mua hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--------------------------------------------------------|------------------|-------------|----------|---------|------------|
| A   | B                                                      | C                | D           | 1        | 2       | 3          |
|     |                                                        |                  |             |          |         |            |
|     | Cộng                                                   | x                | x           | x        | x       |            |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):  
\* Ghi chú:

Người mua  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người duyệt mua  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số: 07 - VT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU CÔNG CỤ, DỤNG CỤ**

Tháng .... năm ....

Số: .....

| STT | Ghi Có các TK<br>Đối tượng<br>sử dụng<br>(Ghi Nợ các TK)                                     | Tài khoản 152    |                | Tài khoản 153    |                | Tài khoản<br>242 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|
|     |                                                                                              | Giá hạch<br>toán | Giá thực<br>tế | Giá hạch<br>toán | Giá thực<br>tế |                  |
| A   | B                                                                                            | 1                | 2              | 3                | 4              | 5                |
| 1   | TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật<br>liệu trực tiếp<br>- Phân xưởng (sản phẩm)...<br>- ..... |                  |                |                  |                |                  |
| 2   | TK 623 - Chi phí sử dụng máy thi<br>công                                                     |                  |                |                  |                |                  |
| 3   | TK 627 - Chi phí sản xuất chung                                                              |                  |                |                  |                |                  |
| 4   | - Phân xưởng .....                                                                           |                  |                |                  |                |                  |
| 5   | TK 641 - Chi phí bán hàng                                                                    |                  |                |                  |                |                  |
| 6   | TK642 - Chi phí quản lý doanh<br>nghiệp                                                      |                  |                |                  |                |                  |
| 7   | TK 242- Chi phí chờ phân bổ<br>.....                                                         |                  |                |                  |                |                  |
|     | <b>Cộng</b>                                                                                  |                  |                |                  |                |                  |

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng....năm....  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Địa chỉ:.....

Mẫu số 01 - BH  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG THANH TOÁN HÀNG ĐẠI LÝ, KÝ GỬI**  
Ngày.... tháng.... năm ....

Quyển số: .....  
Số: .....  
Nợ: .....  
Có: .....

Căn cứ Hợp đồng số: ..... ngày... tháng... năm ... về việc bán hàng đại lý (ký gửi),  
Chúng tôi gồm:

- Ông /Bà ..... chức vụ ..... Đại diện.....có hàng đại lý (ký gửi).
- Ông /Bà ..... chức vụ ..... Đại diện .....
- Ông /Bà ..... chức vụ ..... Đại diện.....nhận bán hàng đại lý (ký gửi).
- Ông /Bà ..... chức vụ ..... Đại diện đơn vị.....

I- Thanh quyết toán số hàng đại lý từ ngày .../.../.... đến ngày .../.../.... như sau:

| Số TT | Tên, quy cách, phẩm chất sản phẩm (hàng hóa) | Đơn vị tính | Số lượng tồn đầu kỳ | Số lượng nhận trong kỳ | Tổng số | Số hàng đã bán trong kỳ |         |            | Số lượng tồn cuối kỳ |
|-------|----------------------------------------------|-------------|---------------------|------------------------|---------|-------------------------|---------|------------|----------------------|
|       |                                              |             |                     |                        |         | Số lượng                | Đơn giá | Thành tiền |                      |
| A     | B                                            | C           | 1                   | 2                      | 3 = 1+2 | 4                       | 5       | 6          | 7 = 3-4              |
|       |                                              |             |                     |                        |         |                         |         |            |                      |
|       | Cộng                                         | x           | x                   | x                      | x       | x                       | x       |            | x                    |

II- Số tiền còn nợ của các kỳ trước:

III- Số tiền phải thanh toán đến kỳ này: (III = II + Cột 6)

IV- Số tiền được nhận lại:

+ Hoa hồng

+ Thuế nộp hộ

+ Chi phí (nếu có)

+

V- Số tiền thanh toán kỳ này:

+ Tiền mặt:

+ Séc:

VI- Số tiền nợ lại (VI= III - IV - V)

\* Ghi chú:

**Giám đốc đơn vị gửi hàng  
đại lý (ký gửi)**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Người lập bảng thanh toán**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc đơn vị nhận bán  
hàng đại lý**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng đơn vị gửi  
hàng đại lý (ký gửi)**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng đơn vị  
nhận bán hàng đại lý**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Địa chỉ:.....

Mẫu số 02 - BH  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THẺ QUẦY HÀNG

Ngày lập thẻ ..... Tờ số: .....

- Tên hàng:..... Quy cách:

- Đơn vị tính: ..... Đơn giá:

| Ngày tháng | Tên người bán hàng | Số lượng tồn đầu ngày (ca) | Số lượng nhập từ kho trong ngày (ca) | Số lượng nhập khác trong ngày (ca) | Cộng tồn đầu ngày (ca) và nhập trong ngày (ca) | Xuất bán |      | Xuất khác |      | Số lượng tồn cuối ngày (ca) |
|------------|--------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|----------|------|-----------|------|-----------------------------|
|            |                    |                            |                                      |                                    |                                                | Lượng    | Tiền | Lượng     | Tiền |                             |
| A          | B                  | 1                          | 2                                    | 3                                  | 4 =1+2+3                                       | 5        | 6    | 7         | 8    | 9 = 4-5-7                   |
|            |                    |                            |                                      |                                    |                                                |          |      |           |      |                             |
|            |                    |                            |                                      |                                    |                                                |          |      |           |      |                             |
|            | Cộng               |                            |                                      |                                    |                                                |          |      |           |      |                             |

Người lập  
(Ký, họ và tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 01 - TT**

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**PHIẾU THU**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Quyển số: .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Họ và tên người nộp tiền:

Địa chỉ:

Lý do nộp:

Số tiền: ..... (Viết bằng chữ):

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc:

Ngày ..... tháng ..... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người nộp tiền**  
(Ký, họ tên)

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 02 - TT**

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính)

**PHIẾU CHI**

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Quyển số: .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Họ và tên người nhận tiền:

Địa chỉ:

Lý do chi:

Số tiền: ..... (Viết bằng chữ):

Kèm theo: ..... Chứng từ gốc:

Ngày ..... tháng .... năm .....

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Người lập  
phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người nộp tiền**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình,  
doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số 03 - TT**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG**  
Ngày ..... tháng ..... năm .....

Số: .....

**Kính gửi:**

Tên tôi là:

Địa chỉ:

Đề nghị cho tạm ứng số tiền: ..... (Viết bằng chữ)

Lý do tạm ứng:

Thời hạn thanh toán:

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**  
(Ký, họ tên)

**Người đề nghị tạm ứng**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 04 - TT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

- Họ và tên người thanh toán:
- Bộ phận (hoặc địa chỉ):
- Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

| Diễn giải                               | Số tiền |
|-----------------------------------------|---------|
| A                                       | 1       |
| I. Số tiền tạm ứng                      | .....   |
| 1. Số tạm ứng các kỳ trước chưa chi hết | .....   |
| 2. Số tạm ứng kỳ này:                   | .....   |
| - Phiếu chi số ..... ngày .....         | .....   |
| - Phiếu chi số ..... ngày .....         | .....   |
| - ....                                  | .....   |
| II. Số tiền đã chi                      | .....   |
| 1. Chứng từ số ..... ngày .....         | .....   |
| 2. ...                                  | .....   |
| III. Chênh lệch                         | .....   |
| 1. Số tạm ứng chi không hết (I - II)    | .....   |
| 2. Chi quá số tạm ứng ( II - I)         | .....   |

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Kế toán thanh toán  
(Ký, họ tên)

Người đề nghị  
thanh toán  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 05 - TT**

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Ngày ..... tháng ..... năm...

**Kính gửi:**

Họ và tên người đề nghị thanh toán:

Bộ phận (Hoặc địa chỉ):

Nội dung thanh toán:

Số tiền: ..... (Viết bằng chữ):

(Kèm theo ..... chứng từ gốc).

**Người đề nghị thanh toán**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người duyệt**

(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

**Mẫu số 06 - TT**

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### **BIÊN LAI THU TIỀN**

Ngày .... tháng ... năm ....

Quyển số: .....

Số: .....

- Họ và tên người nộp:

- Địa chỉ:

- Nội dung thu:

- Số tiền thu: ..... (Viết bằng chữ):

**Người nộp tiền**

(Ký, họ tên)

**Người thu tiền**

(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 07 - TT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ VÀNG TIỀN TỆ

Quyển số: ..... Số: .....

| STT | Tên, loại, quy cách<br>phẩm chất | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------------|----------|---------|------------|---------|
| A   | B                                | C              | 1        | 2       | 3          | D       |
|     |                                  |                |          |         |            |         |
|     | Cộng                             | x              | x        | x       |            | x       |

(Đính kèm phiếu ..... Ngày .... tháng .... năm .....)

Ngày ... tháng .... năm ....

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người nộp  
(nhận)  
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Người kiểm nghiệm  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 08a - TT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**  
(Dùng cho VNĐ)

Số: .....

Hôm nay, vào ..... giờ ..... ngày ....tháng .... năm .....

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà: .....đại diện kế toán
- Ông/Bà: .....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà: ..... đại diện .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả như sau:

| STT | Diễn giải                  | Số lượng(tờ) | Số tiền |
|-----|----------------------------|--------------|---------|
| A   | B                          | 1            | 2       |
| I   | Số dư theo sổ quỹ:         | x            | .....   |
| II  | Số kiểm kê thực tế:        | x            | .....   |
| 1   | Trong đó: - Loại           | .....        | .....   |
| 2   | - Loại                     | .....        | .....   |
| 3   | - Loại                     | .....        | .....   |
| 4   | - Loại                     | .....        | .....   |
| 5   | -...                       | .....        | .....   |
| III | Chênh lệch (III = I - II): | x            | .....   |

Lý do: + Thừa:

+ Thiếu:

- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 08b - TT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KIỂM KÊ QUỸ**  
(Dùng cho ngoại tệ, vàng tiền tệ)

Số: .....

Hôm nay, vào ..... giờ ..... ngày ....tháng .... năm .....

Chúng tôi gồm:

- Ông/Bà: .....đại diện kế toán
- Ông/Bà: .....đại diện thủ quỹ
- Ông/Bà: ..... đại diện .....

Cùng tiến hành kiểm kê quỹ ngoại tệ, vàng bạc .... kết quả như sau:

| STT | Diễn giải               | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá | Tính ra VNĐ |       | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------------|-------------|---------|-------------|-------|---------|
|     |                         |                |             |         | Tỷ giá      | VNĐ   |         |
| A   | B                       | C              | 1           | 2       | 3           | 4     | D       |
| I   | Số dư theo sổ quỹ       | x              | x           | .....   | .....       | ..... | .....   |
| II  | Số kiểm kê thực tế (*)  | x              | x           | .....   | .....       | ..... | .....   |
| 1   | - Loại                  | .....          | .....       | .....   | .....       | ..... | .....   |
| 2   | - Loại                  | .....          | .....       | .....   | .....       | ..... | .....   |
| 3   | - .....                 | .....          | .....       | .....   | .....       | ..... | .....   |
| III | Chênh lệch (III = I-II) | x              | x           | .....   | .....       | ..... | .....   |

- Lý do: + Thừa:  
              + Thiếu:
- Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:

Thủ quỹ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 09 - TT  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ CHI TIỀN**

Ngày..... tháng..... năm....

Họ và tên người chi:  
Bộ phận (hoặc địa chỉ):  
Chi cho công việc:

| STT | Chứng từ |             | Nội dung chi | Số tiền |
|-----|----------|-------------|--------------|---------|
|     | Số hiệu  | Ngày, tháng |              |         |
| A   | B        | C           | D            | 1       |
|     |          |             |              |         |
|     |          |             | Cộng         |         |

Số tiền bằng chữ:  
(Kèm theo..... chứng từ gốc).

**Người lập bảng kê**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người duyệt**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 01 - TSCĐ  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nợ: .....

Có: .....

Căn cứ Quyết định số:..... ngày .... tháng .... năm .... của  
..... về việc bàn giao TSCĐ

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện bên giao
- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện bên nhận
- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện .....

Địa điểm giao nhận TSCĐ:

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

| STT | Tên, ký hiệu quy cách (cấp hạng TSCĐ) | Số hiệu/Mã TSCĐ | Nước sản xuất (XD) | Năm sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | Công suất (diện tích thiết kế) | Tính nguyên giá tài sản cố định |                    |                  |     |                 |                            |
|-----|---------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------|------------------|-----|-----------------|----------------------------|
|     |                                       |                 |                    |              |                     |                                | Giá mua                         | Chi phí vận chuyển | Chi phí chạy thử | ... | Nguyên giá TSCĐ | Tài liệu kỹ thuật kèm theo |
| A   | B                                     | C               | D                  | 1            | 2                   | 3                              | 4                               | 5                  | 6                | 7   | 8               | E                          |
|     |                                       |                 |                    |              |                     |                                |                                 |                    |                  |     |                 |                            |
|     | Cộng                                  | X               | X                  | X            | X                   | X                              |                                 |                    |                  |     |                 | X                          |

DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

| Số thứ tự | Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
|-----------|---------------------------------|-------------|----------|---------|
| A         | B                               | C           | 1        | 2       |
|           |                                 |             |          |         |

Giám đốc bên nhận  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng  
bên nhận  
(Ký, họ tên)

Người nhận  
(Ký, họ tên)

Người giao  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

## BIÊN BẢN GIAO NHẬN TSCĐ

Ngày .... tháng .... năm .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Căn cứ Quyết định số: ..... ngày .... tháng .... năm .... của

..... về việc bàn giao TSCĐ

Ban giao nhận TSCĐ gồm:

- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện bên giao

- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện bên nhận

- Ông/Bà ..... chức vụ ..... Đại diện .....

Địa điểm giao nhận TSCĐ:

Xác nhận việc giao nhận TSCĐ như sau:

| STT | Tên, ký hiệu quy cách (cấp hạng TSCĐ) | Số hiệu/Mã TSCĐ | Nước sản xuất (XD) | Năm sản xuất | Năm đưa vào sử dụng | Công suất (diện tích thiết kế) | Tính nguyên giá tài sản cố định |                    |                  |     |                 |                            |
|-----|---------------------------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------|------------------|-----|-----------------|----------------------------|
|     |                                       |                 |                    |              |                     |                                | Giá mua                         | Chi phí vận chuyển | Chi phí chạy thử | ... | Nguyên giá TSCĐ | Tài liệu kỹ thuật kèm theo |
| A   | B                                     | C               | D                  | 1            | 2                   | 3                              | 4                               | 5                  | 6                | 7   | 8               | E                          |
|     |                                       |                 |                    |              |                     |                                |                                 |                    |                  |     |                 |                            |
|     | Cộng                                  | X               | X                  | X            | X                   | X                              |                                 |                    |                  |     |                 | X                          |

### DỤNG CỤ, PHỤ TÙNG KÈM THEO

| Số thứ tự | Tên, quy cách dụng cụ, phụ tùng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá trị |
|-----------|---------------------------------|-------------|----------|---------|
| A         | B                               | C           | 1        | 2       |
|           |                                 |             |          |         |

**Giám đốc bên nhận**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng  
bên nhận**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)

**Người giao**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số 02 - TSCĐ**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính)

### **BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày .... tháng .... năm .....

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Căn cứ Quyết định số: ..... ngày .... tháng .... năm .... của  
..... về việc thanh lý tài sản cố định.

#### **I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:**

Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Trưởng ban  
Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên  
Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên

#### **II. Tiến hành thanh lý TSCĐ:**

- Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ
- Số hiệu TSCĐ/Mã TSCĐ
- Năm sản xuất
- Năm đưa vào sử dụng ..... Số thẻ TSCĐ
- Nguyên giá TSCĐ
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý
- Giá trị còn lại của TSCĐ

#### **III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ:**

Ngày ... tháng .... năm ....  
**Trưởng Ban thanh lý**  
(Ký, họ tên)

#### **IV. Kết quả thanh lý TSCĐ:**

- Chi phí thanh lý TSCĐ : ..... (viết bằng chữ)
- Giá trị thu hồi: .....(viết bằng chữ)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày tháng năm

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày ... tháng .... năm ....  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**BIÊN BẢN BÀN GIAO TSCĐ**  
**SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG HOẶC NÂNG CẤP, CẢI TẠO HOÀN THÀNH**

*Ngày... tháng... năm...*

Số: .....

Nợ: .....

Có: .....

Căn cứ Quyết định số: .....ngày... tháng ... năm ... của

Chúng tôi gồm:

- Ông /Bà ..... Chức vụ ..... Đại diện .....đơn vị sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo

- Ông /Bà .....Chức vụ ..... Đại diện ..... đơn vị có TSCĐ.

Đã kiểm nhận việc sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo TSCĐ như sau:

- Tên, ký mã hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ

- Số hiệu TSCĐ .....Số thẻ TSCĐ:

- Bộ phận quản lý, sử dụng:

- Thời gian sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo từ ngày .... tháng.... năm .... đến ngày .... tháng.... năm ....

Các bộ phận sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo gồm có:

| Tên bộ phận cần sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo | Nội dung (mức độ) công việc sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo | Giá dự toán | Chi phí thực tế | Kết quả kiểm tra sau sửa chữa, bảo dưỡng hoặc nâng cấp, cải tạo |
|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------|
| A                                                          | B                                                                      | 1           | 2               | 3                                                               |
|                                                            |                                                                        |             |                 |                                                                 |
|                                                            | <b>Cộng</b>                                                            |             |                 |                                                                 |

Kết luận:

**Đại diện đơn vị nhận**  
(Ký, họ tên)

**Đại diện đơn vị giao**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

Mẫu số 04 - TSCĐ  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính)

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ LẠI TSCĐ

Ngày... tháng... năm...

Số: .....  
Nợ: .....  
Có: .....

Căn cứ Quyết định số: .....ngày... tháng ... năm ...

Của ..... Về việc đánh giá lại TSCĐ

- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Chủ tịch Hội đồng
- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên
- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên

Đã thực hiện đánh giá lại giá trị các TSCĐ sau đây:

| STT | Tên, ký<br>mã hiệu,<br>qui cách<br>(cấp<br>hạng)<br>TSCĐ | Số<br>hiệu<br>TSCĐ | Số thẻ<br>TSCĐ | Giá trị đang ghi sổ |            |                    | Giá trị còn lại theo<br>đánh giá lại |            |                    | Chênh lệch    |            |                       |
|-----|----------------------------------------------------------|--------------------|----------------|---------------------|------------|--------------------|--------------------------------------|------------|--------------------|---------------|------------|-----------------------|
|     |                                                          |                    |                | Nguyên<br>Giá       | Hao<br>mòn | Giá trị<br>còn lại | Nguyên<br>Giá                        | Hao<br>mòn | Giá trị<br>còn lại | Nguyên<br>giá | Hao<br>mòn | Giá trị<br>Còn<br>lại |
| A   | B                                                        | C                  | D              | 1                   | 2          | 3                  | 4                                    | 5          | 6                  | 7             | 8          | 9                     |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     |                                                          |                    |                |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |
|     | Cộng                                                     | X                  | X              |                     |            |                    |                                      |            |                    |               |            |                       |

Kết luận:

Ủy viên/người lập  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
Chủ tịch Hội đồng  
(Ký, họ tên)

Ghi chú: Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số 05 - TSCĐ**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính)

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP KIỂM KÊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Số: .....

Thời điểm kiểm kê ..... giờ ..... ngày ... tháng .... năm ....

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Chủ tịch Hội đồng  
- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên  
- Ông/Bà: ..... Chức vụ ..... Đại diện ..... Ủy viên

Đã kiểm kê TSCĐ, kết quả như sau:

| Số TT | Tên TSCĐ | Đơn vị tính | Mã số | Nơi sử dụng | Theo sổ kế toán |            |                 | Theo kiểm kê |            |                 | Chênh lệch |            |                 | Ghi chú |
|-------|----------|-------------|-------|-------------|-----------------|------------|-----------------|--------------|------------|-----------------|------------|------------|-----------------|---------|
|       |          |             |       |             | Số lượng        | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Số lượng     | Nguyên giá | Giá trị còn lại | Số lượng   | Nguyên giá | Giá trị còn lại |         |
| A     | B        | C           | D     | E           | 1               | 2          | 3               | 4            | 5          | 6               | 7          | 8          | 9               | F       |
|       |          |             |       |             |                 |            |                 |              |            |                 |            |            |                 |         |
| Cộng  |          |             | x     | x           | x               |            |                 | x            |            |                 | x          |            |                 | x       |

**Giám đốc**  
(Ghi ý kiến giải quyết số chênh lệch)  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
**Trưởng Ban kiểm kê**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu chứng từ kế toán.

Đơn vị: .....  
Bộ phận:.....

**Mẫu số 06 - TSCĐ**  
(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ**  
Tháng ..... năm .....

Số: .....

| STT  | Chỉ tiêu                                    | Tỷ lệ<br>khấu hao<br>(%) hoặc<br>thời gian<br>sử dụng | Nơi sử dụng        |                | TK 627-Chi phí sản xuất<br>chung |                                |                                |                                | TK 623<br>Chi phí<br>sử dụng<br>máy thi<br>công | TK 641<br>Chi phí<br>bán<br>hàng | TK 642<br>Chi phí<br>quản lý<br>doanh<br>nghiệp | TK 241<br>XDCB<br>dờ<br>dang | TK 242<br>Chi phí<br>chờ<br>phân bổ | TK 335<br>Chi phí<br>phải trả | ... |
|------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------|----------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|-----|
|      |                                             |                                                       | Toàn DN            |                | Phân<br>xưởng<br>(sản<br>phẩm)   | Phân<br>xưởng<br>(sản<br>phẩm) | Phân<br>xưởng<br>(sản<br>phẩm) | Phân<br>xưởng<br>(sản<br>phẩm) |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
|      |                                             |                                                       | Nguyên<br>giá TSCĐ | Số khấu<br>hao |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
| A    | B                                           | 1                                                     | 2                  | 3              | 4                                | 5                              | 6                              | 7                              | 8                                               | 9                                | 10                                              | 11                           | 12                                  | 13                            | ... |
| 1    | I. Số khấu hao trích<br>tháng trước         |                                                       |                    |                |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
| 2    | II. Số KH TSCĐ tăng<br>trong tháng          |                                                       |                    |                |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
| 3    | II. Số KH TSCĐ giảm<br>trong tháng          |                                                       |                    |                |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
| 4    | IV. Số KH trích tháng<br>này (I + II - III) |                                                       |                    |                |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |
| Cộng |                                             | x                                                     |                    |                |                                  |                                |                                |                                |                                                 |                                  |                                                 |                              |                                     |                               |     |

**Người lập bảng**  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm...  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Ghi chú:** Tùy theo đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của đơn vị mình, doanh nghiệp được xây dựng, thiết kế biểu mẫu kế toán.